

Phụ lục I:
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU VỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI, ĐẢM BẢO QUỐC PHÒNG, AN NINH
9 THÁNG NĂM 2025

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày 08/10/2025 của UBND tỉnh)

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Đơn vị chủ trì theo dõi, báo cáo	Kế hoạch năm 2025	Kết quả thực hiện 9 tháng năm 2025					Ghi chú
					Thực hiện 6 tháng đầu năm 2025	Ước thực hiện 9 tháng 2025	Thực hiện cùng kỳ năm 2024	So với KH 2025 (%)	So với cùng kỳ 2024 (%)	
1	Tốc độ tăng Tổng sản phẩm (GRDP theo giá so sánh 2010)	%	Thống kê tỉnh	8,00	7,26	6,90				
	- Nông, lâm nghiệp và thủy sản	%		5,56	5,32	5,39				
	- Công nghiệp và xây dựng	%		11,62	10,60	9,34				
	<i>Trong đó: + Công nghiệp</i>	%		<i>10,49</i>	<i>11,87</i>	<i>10,68</i>				
	<i>+ Xây dựng</i>	%		<i>13,66</i>	<i>8,01</i>	<i>6,91</i>				
	- Dịch vụ	%		8,34	7,70	7,22				
	- Riêng Thuế SP trừ trợ cấp SP	%		5,35	- 0,84	0,96				
2	GRDP bình quân đầu người	Triệu đồng	Thống kê tỉnh	80,00						
3	Tổng vốn đầu tư toàn xã hội	Tỷ đồng	Thống kê tỉnh	73.670	28.644	44.750	41.456	60,74	107,94	
4	Tổng kim ngạch xuất khẩu trên địa bàn	Triệu USD	Sở Công Thương	2.235	1.519	2.334	1.694	104,41	137,79	
5	Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng	Tỷ đồng	Sở Công Thương	182.281	90.831	138.779	121.748	76,13	113,99	
6	Tổng thu NSNN trên địa bàn	Tỷ đồng	Sở Tài chính	16.310	8.718	12.141	9.927	74,44	122,31	
7	Phát triển cơ sở hạ tầng									
	- Tỷ lệ đảm bảo tưới cho cây trồng dùng nước (đến cuối năm 2025)	%	Sở Nông nghiệp và Môi trường	83,70	83,20					Đánh giá cuối năm
	- Tỷ lệ đô thị hóa (đến cuối năm 2025)	%	Sở Xây dựng	27,20						
8	Phát triển nhà ở xã hội	Căn	Sở Xây dựng	2.800	352	1.127		40,25		
9	Phát triển doanh nghiệp (DN), HTX		Sở Tài chính							
	- Số DN thành lập mới	DN		3.688	1.476	2.250	1.434	61,01	156,90	
	- Số HTX thành lập mới	HTX		75	46	60	72	80,00	83,33	
10	Giảm nghèo									
	- Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều 2021-2025)	%	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Từ 3% trở lên						

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Đơn vị chủ trì theo dõi, báo cáo	Kế hoạch năm 2025	Kết quả thực hiện 9 tháng năm 2025					Ghi chú
					Thực hiện 6 tháng đầu năm 2025	Ước thực hiện 9 tháng 2025	Thực hiện cùng kỳ năm 2024	So với KH 2025 (%)	So với cùng kỳ 2024 (%)	
	<i>Trong đó: Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số</i>	%	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Từ 4% trở lên						Đánh giá cuối năm
	- Tỷ lệ thất nghiệp khu vực thành thị giảm còn	%	Sở Nội vụ	2,2						
11	Lao động, việc làm		Sở Nội vụ							
	- Tỷ lệ lao động nông nghiệp trong tổng số lao động tham gia hoạt động kinh tế	%		56,00						Đánh giá cuối năm
	- Tỷ lệ lao động được đào tạo so với tổng số lao động	%		70,00						
	<i>Trong đó: Tỷ lệ lao động có bằng, cấp, chứng chỉ</i>	%		25,00						
	- Số lao động được giải quyết việc làm trong năm	Người		55.800	31.650	42.000		75,27		
	<i>Trong đó: Xuất khẩu lao động</i>	<i>Người</i>		2.950	1.150	1.700		57,63		
	Tỷ lệ lao động tham gia BHXH	%		17,70	15,01	15,90				
12	Tỷ lệ trường học đạt chuẩn Quốc gia	%	Sở Giáo dục và Đào tạo	59,00						
13	Về Y tế									
	- Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng (cân nặng theo độ tuổi) giảm còn	%	Sở Y tế	13,60	13,70	13,70	13,70			
	- Số giường bệnh trên một vạn dân (không tính giường của trạm y tế xã)	Giường	Sở Y tế	29,75	29,75	29,75	28,50			
	- Số bác sỹ trên một vạn dân	Bác sỹ	Sở Y tế	8,60	8,60	8,60	7,50			
	- Tỷ lệ bao phủ Bảo hiểm y tế	%	Bảo hiểm xã hội tỉnh	95,00	92,62	90,77				
14	Nông thôn mới									
	- Số xã đạt chuẩn nông thôn mới (đến cuối năm 2025)	xã	Sở Nông nghiệp và Môi trường	26/88						<i>Đánh giá cuối năm</i>
	- Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới (đến cuối năm 2025)	%	Sở Nông nghiệp và Môi trường	29,55						

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Đơn vị chủ trì theo dõi, báo cáo	Kế hoạch năm 2025	Kết quả thực hiện 9 tháng năm 2025					Ghi chú
					Thực hiện 6 tháng đầu năm 2025	Ước thực hiện 9 tháng 2025	Thực hiện cùng kỳ năm 2024	So với KH 2025 (%)	So với cùng kỳ 2024 (%)	
15	Về môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu									
	- Tỷ lệ khu, cụm công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường	%	Sở Nông nghiệp và Môi trường	100,00	38,46	38,46				
	<i>Số khu, CCN đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường</i>		Sở Nông nghiệp và Môi trường	26/26	10/26	10/26				
	- Tỷ lệ chất thải rắn đô thị được thu gom, xử lý	%	Sở Nông nghiệp và Môi trường	92,00	91,85	91,85	91,80			
	- Tỷ lệ dân số thành thị được cung cấp nước sạch	%	Sở Xây dựng	93,13	92,13					Đánh giá vào cuối năm
	- Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh	%	Sở Nông nghiệp và Môi trường	98,40						
	- Tỷ lệ che phủ rừng (tính cả cây cao su)	%	Sở Nông nghiệp và Môi trường	41,37						
16	Chỉ số cải cách hành chính (PAR Index)	%	Sở Nội vụ	88,5						
17	Quốc phòng, an ninh									
	- Tỷ lệ đạt chỉ tiêu tuyển quân	%	Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh	100	100	100				
*	<i>Tỷ lệ điều tra, khám phá tội phạm xâm phạm trật tự xã hội</i>	%	Công an tỉnh	85,00	80,14	83,49	89,69			
	<i>Tr đó: Tỷ lệ điều tra, làm rõ án rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng</i>	%		90,00	87,50	91,11	79,63			
	- Tai nạn giao thông (giảm so với cùng kỳ)			Kiểm giảm tai nạn giao thông so với cùng kỳ						
	+ Số vụ	Vụ			285	418	517		80,85	
	+ Số người chết	Người			213	305	327		93,27	
	+ Số người bị thương	Người			173	265	350		75,71	